TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2026/HSST

Ngày: 19/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **VÕ XUÂN PHONG**.

2. Ông **PHAN VĂN HOÀNG**.

Thư ký phiên tòa: Bà **TẠ THỊ THẢO VY –** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **VÕ THÀNH THIÊN –** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2026/TLST - HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. PHAI S, sinh ngày 15/10/1987, tại Vương quốc Campuchia; trú tại: ấp V, xã M, huyện R, tỉnh S.R, Vương quốc Campuchia; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông Campuchia; dân tộc: Khmer; giới tính: N1; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Campuchia; con ông N.S.P và bà Ú.X.B; bị cáo có vợ là O.Ư và 03 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 20/01/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **CHHAUM N,** sinh ngày 12/02/1991, tại Vương quốc Campuchia; trú tại: ấp D.S, xã D.S, huyện S.C, tỉnh S.R, Vương quốc Campuchia; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông Campuchia; dân tộc: Khmer; giới tính: N1; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Campuchia; con ông T.S.U và bà D.X.Ni;

bị cáo có vợ là N.S.P và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 20/01/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch cho các bị cáo: Chị **Ngô Thị T.A**, Cán bộ phiên dịch tiếng Khmer thuộc Sở ngoại vụ tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/8/2025, anh Đỗ Đình Q và anh Nguyễn Văn N1 được giới thiệu làm việc tại quán ăn "B.V" khu H.C.V thuộc phường B, thành phố B, tỉnh S.R, Campuchia với mức lương từ 900 USD đến 1.000 USD. Anh Q sử dụng hộ chiếu xuất cảnh sang Campuchia tại Cửa khẩu Quốc tế L.B, tỉnh An Giang. Anh N1 được một người không rõ nhân thân lai lịch sắp xếp đưa đi sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch gần khu vực Cửa khẩu Quốc tế M.B.

Do quán ăn trả lương không như thỏa thuận nên Q và N1 bàn bạc thống nhất cùng nhau bỏ việc trở về Việt Nam. Ngày 17/01/2026, Q thuê xe taxi của một người đàn ông Campuchia không rõ nhân thân, lai lịch chở cả hai đến gần Cửa khẩu Quốc tế M.B nhưng do N1 không có hộ chiếu còn Q thì bị mất hộ chiếu nên đã nhờ tài xế taxi tìm giúp người đưa về Việt Nam theo đường tiểu ngạch, tài xế taxi báo giá 700 USD/02 người, bao gồm cả tiền thuê xe đưa về Thành phố H.C.M. Q và N1 đồng ý nên tài xế taxi tiếp tục chở Q và N1 đến khu vực chợ D.S thuộc xã D.S, huyện S.C, tỉnh S.R để chờ người đến đón chở về Việt Nam theo đường tiểu ngạch.

Lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày (ngày 17/01/2026), bị cáo Phai S nhận cuộc gọi điện thoại từ số +855717232247 của một người đàn ông chạy xe taxi tên "San" thuê đến khu vực chợ D.S chờ hai người về Việt Nam theo đường tiểu ngạch với giá 200 USD, bao gồm cả tiền thuê xe đưa về đến Thành phố H.C.M, khi nào xong việc quay về gặp "San" nhận tiền. Bị cáo Phai S đồng ý và gọi điện thoại cho bị cáo Chhaum N qua số điện thoại +855978219267 thuê đi đón Q và N1 với giá 50.000 Riel, sau đó bị cáo Chhaum N điều khiển xe mô tô biển số Koh Kong 1B – 5925 đến điểm hẹn đón Q và N1 chở đi trước, bị cáo Phai S điều khiển xe mô tô biển số Kambong Chhnang – 1J.8386 mang theo số tiền 1.300.000 đồng chạy theo phía sau, khi đi đến đoạn đường mòn thuộc khu vực ấp Hiệp

Bình, xã Hòa Hội, tỉnh Tây Ninh bị Công an xã Hòa Hội phối hợp cùng đồn Biên phòng Cửa khẩu Phước Tân phát hiện bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Phai S và Chhaum N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 63/CT – VKSTN – P1 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Phai S và Chhaum N về tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh giữ Q công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phai S và Chhaum N về tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phai S mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chhaum N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày:

- Bị cáo Phai S: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo để bị cáo có điều kiện về với gia đình, phụ vợ nuôi 03 con nhỏ, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình.

- Bị cáo Chhaum N: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo, bị cáo có một con nhỏ mới sinh ngày 07/01/2026 đến ngày 17/01/2026 bị cáo đã bị bắt, để bị cáo có điều kiện về với gia đình nuôi vợ, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phai S và Chhaum N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Ngày 17/01/2026, các bị cáo Phai S và Chhaum N có hành vi đưa Đỗ Đình Q và Nguyễn Văn N1 nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam qua khu vực biên giới thuộc ấp Hiệp Bình, xã Hòa Hội, tỉnh Tây Ninh. Hành vi của các bị cáo Phai S và Chhaum N đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Phai S và Chhaum N phạm tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

[3.2]. Tuy nhiên, cần xem xét, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người Campuchia nên trình độ hiểu biết pháp luật Việt Nam có hạn chế. Sau khi các bị

cáo đưa 02 người Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam thì bị bắt quả tang, được ngăn chặn kịp thời nên thiệt hại đã không xảy ra trên thực tế, theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số: 04/2025/NQ – HĐTP ngày 30/9/2025 thì đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3.3]. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ thời gian cải tạo bị cáo trở thành người tốt. Các bị cáo là công dân Vương quốc Campuchia, phạm tội tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia, phía Vương quốc Campuchia có văn bản của Cục trưởng Cục Công an tỉnh S.R gửi cho phía Giám đốc Công an tỉnh Tây Ninh đề nghị tạo điều kiện cho hai bị cáo trở về Campuchia trong thời gian sớm nhất, để Cục Công an tỉnh S.R tiếp tục tiến hành các biện pháp giáo dục, hướng dẫn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết tiếp tục tạm giam hai bị cáo mà xét xử hai bị cáo mức án bằng với thời gian hai bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 04 tháng 02 ngày tù là phù hợp. Trả tự do cho hai bị cáo ngay tại phiên toà, nếu hai bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3.4]. Do đó, mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh đề nghị không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4]. Hình phạt bổ sung: Xét thấy, hai bị cáo là người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên cần căn cứ Điều 37 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất đối với hai bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu vào Ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream 125, biển kiểm soát Campuchia: Kampong Chhnang 1J – 8386, số máy: ND125ME – 5554639, số khung: ND125M – 5554639, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream 125, biển kiểm soát Campuchia: Koh Kong 1B – 5925, số máy: ND125ME – 5500145, số khung: ND125M – 5500145, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu TECNO SPARK 40, màu xám, số IMEI 1: 351163511883838, số IMEI 2: 351163518667739, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu APPLE Iphone 8 plus, màu hồng, số IMEI: 359499088734281, đã qua sử dụng.

- *Trả lại cho bị cáo Phai S*:

+ 01 (một) Căn cước số 090493310 mang tên Phai S.

+ 01 (một) gói niêm phong tiền Việt Nam đồng: 1.300.000 đồng.

- *Trả lại cho bị cáo Chhaum N*:

+ 01 (một) Căn cước số 090605719 mang tên Chhaum N.

[6]. Về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố hai bị cáo Phai S và Chhaum N phạm tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phai S 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/01/2026.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Chhaum N 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/01/2026.

Ghi nhận hai bị cáo Phai S và Chhaum N đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do cho hai bị cáo Phai S và Chhaum N ngay tại phiên toà, nếu hai bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 37 Bộ luật Hình sự. Trục xuất hai bị cáo Phai S và Chhaum N ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu vào Ngân sách nhà nước:*

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream 125, biển kiểm soát Campuchia: Kampong Chhnang 1J – 8386, số máy: ND125ME – 5554639, số khung: ND125M – 5554639, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream 125, biển kiểm soát Campuchia: Koh Kong 1B – 5925, số máy: ND125ME – 5500145, số khung: ND125M – 5500145, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu TECNO SPARK 40, màu xám, số IMEI 1: 351163511883838, số IMEI 2: 351163518667739, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu APPLE Iphone 8 plus, màu hồng, số IMEI: 359499088734281, đã qua sử dụng.

- *Trả lại cho bị cáo Phai S*:

+ 01 (một) Căn cước số 090493310 mang tên Phai S.

+ 01 (một) gói niêm phong tiền Việt N1 đồng: 1.300.000 đồng.

- *Trả lại cho bị cáo Chhaum N*:

+ 01 (một) Căn cước số 090605719 mang tên Chhaum N.

3. Về án phí: Hai bị cáo Phai S và Chhaum N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh.
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh,
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.
- Phòng PV06 Công an tỉnh Tây Ninh.
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tây Ninh.
- Bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Kim Phụng